TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 6 - 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Chỉnh, ông Nguyễn Văn Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXX-ST ngày 04 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19/5/2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị P, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Trương Trường T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày:

Chị và anh Trương Trường T kết hôn với nhau vào năm 2016, trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa P, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B. Cưới xong vợ chồng chung sống tại thôn T, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc từ khi cưới đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm và lối sống, không bảo ban được nhau trong việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình. Chị và anh T đã ly thân, không quan hệ tình cảm từ năm 2019 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên xin ly hôn đối với anh Trương Trường T.

Về con chung: Chị và anh Trương Trường T có 01 con chung là Trương Tuấn K, sinh năm 02/01/2017. Hiện nay con đang cùng mẹ và khỏe mạnh, phát triển bình thường. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Chị và anh Trương Trường T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Trường T:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần nhưng anh T không đến làm việc. Tại biên bản xác minh với chính quyền địa P nơi anh T cư trú, được biết anh T là người đăng ký thường trú và sinh sống tại thôn T, xã B, huyện Lục Nam. Thời gian gần đây anh T thường vắng nhà, việc anh T đi đâu, làm gì thì địa P không có thông tin.

Ngày 10/02/2023 Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai thông báo về việc thụ lý vụ án tại Nhà văn hóa thôn T; trụ sở UBND xã B và Tòa án nhân dân huyện Lục Nam theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 31/3/2023 Tòa án niêm yết công khai thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với anh Trương Trường T nhưng anh T vẫn tiếp tục vắng mặt không lý do.

Ngày 29/3/2023 Tòa án nhân dân huyện Lục Nam có Công văn số 121/TB-TA yêu cầu Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV); Báo Công lý phát, đăng thông báo trên P tiện thông tin đại chúng để anh Trương Trường T biết việc Tòa án đang giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị P đối với anh.

Ngày 24/4/2023 Tòa án có Công văn số 155/TA gửi Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an đề nghị cung cấp thông tin xuất nhập cảnh đối với anh Trương Trường T. Ngày 09/5/2023 Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an có Văn bản số 10661/QLXNC-P5 trả lời "Trương Trường T, sinh ngày 01/6/1990, đã xuất cảnh ngày 15/7/2019 và nhập cảnh về nước ngày 13/10/2022".

Hết thời hạn niêm yết công khai và thông báo trên P tiện thông tin đại chúng nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi ý kiến của anh T đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị P. Do vậy Tòa án không thu thập được lời khai của anh Trương Trường T.

Ngày 19/5/2023 Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án lần thứ nhất nhưng đã hoãn phiên tòa vì anh T vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn tiếp tục vắng mặt không lý do.

Chị Trần Thị P vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán và Thư ký tòa án đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phía các đương sự,

nguyên đơn là chị Trần Thị P đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là anh Trương Trường T không cung cấp văn bản ghi ý kiến, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, vắng mặt tại phiên tòa không lý do là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 9, 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị P được ly hôn anh Trương Trường T.

Về con chung: Giao chị Trần Thị P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Trương Tuấn K, sinh năm 02/01/2017. Anh Trương Trường T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

- Về chi phí tố tụng: Chị Trần Thị P là người yêu cầu Tòa án tiến hành thủ tục thông báo trên P tiện thông tin đại chúng nên chị P phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Chị Trần Thị P là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị P đã nộp tạm ứng án phí ngày 09/01/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Trần Thị P là người có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" với anh Trương Trường T. Bị đơn anh Trương Trường T là người có địa chỉ cư trú tại thôn T, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

2.1. Đối với nguyên đơn: Chị Trần Thị P vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị P đã gửi đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị P.

2.1. Đối với bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai và thông báo trên P tiện thông tin đại chúng các thủ tục tố tụng cho bị đơn là anh Trương Trường T theo quy định tại Điều 179 và Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. *(Đăng các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử trên cổng thông tin điện tử Tòa án và Báo Công lý 03 số liên tiếp; phát sóng trên Đài Tiếng nói Việt Nam 03 ngày liên tiếp).*

Ngày 19/5/2023 Hội đồng xét xử sơ thẩm hoãn phiên tòa lần thứ nhất vì anh Trương Trường T vắng mặt không lý do.

Xét thấy: Anh Trương Trường T là người vẫn thường xuyên cư trú tại thôn T, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Tại Công văn số 10661/QLXNC-P5 ngày 09/5/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an xác định anh T xuất cảnh ngày 15/7/2019, nhập cảnh về nước ngày 13/10/2022. Như vậy là từ khi chị P nộp đơn khởi kiện ra Tòa án đến nay, anh T vẫn đang cư trú trong lãnh thổ nước Việt Nam, chưa xuất cảnh đi đâu.

Anh T có đủ thông tin để biết việc Tòa án đang giải quyết yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị P đối với anh nhưng anh vẫn cố tình trốn tránh, giấu địa chỉ, gây khó khăn cho chị P trong việc xin ly hôn, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trương Trường T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị P và anh Trương Trường T kết hôn với nhau vào năm 2016 trên tinh thần tự nguyện, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang *(giấy chứng nhận kết hôn số 45 do UBND xã B cấp ngày 22/7/2016)*. Do vậy xác định quan hệ giữa chị Trần Thị P và anh Trương Trường T là hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Về mâu thuẫn vợ chồng:

Căn cứ tài liệu xác minh, thu thập trong hồ sơ cho thấy: Chị Trần Thị P và anh Trương Trường T trong cuộc sống có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, không bảo ban được nhau trong việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình. Từ năm 2019 đến nay, chị P và anh T ly thân, không quan hệ tình cảm, không quan tâm, chăm sóc nhau.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định về việc vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, cụ thể:

"Điều 19. Tình nghĩa vợ chồng

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".

Việc chị P – anh T sống ly thân từ năm 2019 đến nay chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng là có thật. Vợ chồng đã không ở cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong thời gian rất dài. Phía anh T không thiện chí hòa giải để hàn gắn hôn nhân, vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa. Do vậy, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị P, xử cho chị P được ly hôn với anh Trương Trường T là phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về con chung: Trần Thị P và anh Trương Trường T có một con chung là Trương Tuấn K, sinh năm 02/01/2017. Con đang ở cùng mẹ từ nhỏ và hiện tại khỏe mạnh, phát triển bình thường. Xét nguyện vọng nuôi con của chị P thì thấy, hiện nay chị P có công việc và thu nhập ổn định (làm giáo viên tại trường Tiểu học xã Chu Điện, huyện Lục Nam), chị P làm việc gần nhà nên có nhiều thời gian để chăm sóc con, có nơi ăn ở đảm bảo sinh hoạt. Mặt khác hiện nay anh Trương Trường T không rõ ở đâu, làm gì, không xác định được điều kiện nuôi con của anh T. Do vậy cần giao con cho chị Trần Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ đảm bảo cho sự phát triển mọi mặt của con và phù hợp quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Do chị Trần Thị P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Trường hợp đương sự tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung và có đơn yêu cầu thì sẽ được Tòa án xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị P là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

[5] Về chi phí tố tụng: Chị Trần Thị P là người yêu cầu Tòa án tiến hành thủ tục thông báo trên P tiện thông tin đại chúng nên chị P phải chịu lệ phí theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự. *(lệ phí phát thông báo trên sóng Đài Tiếng nói Việt Nam là 1.500.000 đồng và lệ phí đăng tin trên Báo Công lý là 1.500.000 đồng, tổng cộng là 3.000.000 đồng).*

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 9, 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 180; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280; Điều 385 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị P được ly hôn anh Trương Trường T.

2. Về con chung: Giao chị Trần Thị P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con là Trương Tuấn K, sinh năm 02/01/2017.

Anh Trương Trường T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Trần Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị P đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014322 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Chị Trần Thị P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí tố tụng: Chị Trần Thị P phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) lệ phí đăng, phát thông báo trên P tiện thông tin đại chúng. Xác nhận chị P đã nộp đủ lệ phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- UBND xã B, huyện Lục Nam;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Cổng thông tin điện tử TAND tối cao.
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Sơn